**Tổng hợp mức phạt tiền các vi phạm về hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vi phạm** | **Hành vi vi phạm** | **Mức phạt tiền** |
| 1 | Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng chỉ kế toán viên, Chứng chỉ kiểm toán viên | Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Chứng chỉ kế toán viên | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kế toán viên, Chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hoặc đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán tại đơn vị nơi mình thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian |
| Thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kế toán viên, Chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc hoặc làm việc theo hợp đồng lao động không đảm bảo là làm toàn bộ thời gian tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Giả mạo Chứng chỉ kế toán viên | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 2 | Vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Xác nhận không đúng thực tế các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Kê khai không đúng thực tế để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Giả mạo, khai man về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 3 | Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định | Phạt cảnh cáo |
| Nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động dịch vụ kế toán |
| Hành nghề dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Tiếp tục hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị |
| Không nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định |
| 4 | Vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Xác nhận không đúng thực tế các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 5 | Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị thu hồi hoặc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt cảnh cáo |
| Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định trong các trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật kế toán |
| Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán |
| Không làm thủ tục hoặc làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong các trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật kế toán chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định |
| Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán |
| Tổ chức không nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 6 | Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kế toán | Giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm, khả năng và điều kiện cung cấp dịch vụ của kế toán viên hành nghề và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin sai sự thật khi cung cấp dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 7 | Vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán | Bảo quản, lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán không đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Không thực hiện lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán theo quy định | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| 8 | Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kế toán | Doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán nhưng không làm thủ tục xóa cụm từ "dịch vụ kế toán" trong tên gọi theo quy định | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh dịch vụ kế toán khi đã tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán; bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán; bị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán |